

Bản án số: 226/2023/DS-ST;

Ngày: 26-9-2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu.

Ông Nguyễn Văn Trình.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng.

Đại diện VKSND quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy, kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 205/2023/TLST-DS về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2023/QĐST-DS ngày 29/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2023/QĐST-DS ngày 19/9/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971. Địa chỉ: đường D, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: ông Trần T, sinh năm: 1984 và bà Ngô Thị Thủy H, sinh năm: 1981. Địa chỉ: đường P, phường T, quận L, tp Đà Nẵng. Vắng mặt lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn trình bày:

Bà H và vợ chồng ông T bà H có quan hệ quen biết với nhau. Để phục vụ cho cuộc sống gia đình, vợ chồng ông bà có vay mượn tiền của bà H để mua đất, số tiền là 250.000.000 đồng với lãi suất 3%/ tháng vào ngày 24/06/2022 và có viết giấy vay tiền, khi vay thì ông T và bà H cam kết vay từ ngày 24/05/2022 đến 24/06/2022 sẽ trả cả gốc và lãi như thỏa thuận; nếu sai thì bên vay chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và sẵn sàng phát mãi tài sản. Tính từ ngày 24/05/2022 đến 24/07/2023 là 14 tháng, số tiền lãi mà bà H yêu cầu là 105.000.000 đồng. Để bảo vệ quyền lợi, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần T và bà Ngô Thị Thủy H có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền là 355.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 250.000.000 đồng và

tiền lãi tạm tính từ ngày 24/5/2022 đến 24/7/2023 là 105.000.000 đồng theo lãi suất 3%/ tháng. Quá trình giải quyết vụ án, bà H thay đổi yêu cầu tính lãi suất là 20%/năm.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T và bà H thanh toán số tiền gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm trong thời gian từ ngày 24/5/2022 đến ngày 24/6/2022 và áp dụng lãi suất quá hạn đối với thời gian chậm trả theo Giấy vay tiền.

*** Bị đơn ông Trần T và bà Ngô Thị Thủy H:**

Đối với ông Trần T, trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông nhưng ông không có mặt để tham gia tố tụng và trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với bà Ngô Thị Thủy H, trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bà đều có đơn xin hoãn các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không gửi ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án tiến hành hoãn phiên tòa để bà có thời gian kiểm tiền trả nợ cho nguyên đơn.

Đại diện VKSND quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện VKSND quận Cẩm Lệ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ pháp luật: Giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trần T và bà Ngô Thị Thủy H có xác lập giao dịch vay tài sản là tiền thông qua Giấy vay tiền đề ngày 24/06/2022. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ số nợ và yêu cầu

tính lãi nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26 BLTTDS, quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về thẩm quyền: bị đơn ông Trần T và bà Ngô Thị Thủy H có địa chỉ thường trú tại: đường P, phường T, quận L, tp Đà Nẵng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ tp. Đà Nẵng có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án tính tiền lãi theo lãi suất 10%/năm trong thời gian từ ngày 24/5/2022 đến ngày 24/6/2022 và áp dụng lãi suất quá hạn đối với thời gian chậm trả theo Giấy vay tiền. Xét thấy việc bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện là phù hợp với quy định pháp luật và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về việc giải quyết vắng mặt đối với các đương sự

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông Trần T và tổng đạt hợp lệ đối với bà Ngô Thị Thủy H theo địa chỉ thường trú tại: đường P, phường T, quận L, tp Đà Nẵng. Tuy nhiên, ông T đều vắng mặt không rõ lý do; trong khi bà H có đơn đề nghị hoãn nhiều lần. Tại phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, ông T vắng mặt và bà H tiếp tục có đơn đề nghị hoãn phiên tòa. Đồng thời, bà Nguyễn Thị H cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 227 và 228 BLTTDS để tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

Về nội dung

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với số tiền gốc 250.000.000 đồng

Do mối quan hệ quen biết, bà Nguyễn Thị H cho ông Trần T và bà Ngô Thị Thủy H mượn tiền với mục đích mua đất. Việc vay tiền được các bên ký kết hợp đồng vay theo đúng quy định. Xét thấy, các bên giao kết Giấy vay tiền đề ngày 24/06/2022 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng vay các bên đã giao kết có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 119 và 463 BLDS nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình xác định nợ chung của ông T và bà H trong thời kỳ hôn nhân.

Theo trình bày của bà Nguyễn Thị H, từ ngày 26/6/2022 đến nay, ông T và bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mặc dù bà H đã nhiều lần liên lạc, yêu cầu trả tiền nhưng đều không thực hiện. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bà H nhưng bà đều có đơn đề nghị hoãn phiên họp

còn ông T thì không đến Tòa án để tham gia tố tụng, điều này chứng tỏ ông bà không có thiện chí trả nợ cho bà H. Thông qua các đơn xin hoãn phiên họp và phiên tòa do bà H gửi đến Tòa án, bà đều thừa nhận có vay tiền bà H và đề nghị Tòa án kéo dài thời gian giải quyết để bà có điều kiện trả nợ cho bà H. Hiện nay, ông T và bà H đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 293/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2022 của TAND quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng

Xét thấy, ông Trần T và bà Ngô Thị Thủy H không xuất trình tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của bà H nên phải chịu trách nhiệm về việc không xuất trình được tài liệu, chứng cứ theo Điều 91 BLTTDS. Đồng thời, bà H cũng có ý kiến thừa nhận việc vay tiền của bà H. HĐXX căn cứ vào Giấy vay tiền đề ngày 24/06/2022 để xác định ông Trần T và bà Ngô Thị Thủy H vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 250.000.000 đồng. Theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, đây là nghĩa vụ nợ được xác lập trong thời kỳ hôn nhân nên ông T và bà H phải có nghĩa vụ liên đới với các khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân. Do ông T và bà H đã vi phạm nghĩa vụ đối với bà Nguyễn Thị H nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 466, Điều 469 BLDS, Điều 27, 37 và 60 Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T và bà H có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Nguyễn Thị H số tiền 250.000.000 đồng.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với số tiền lãi

Mặc dù giấy vay tiền ghi ngày 24/6/2022 nhưng nội dung thể hiện ông T và bà H vay tiền từ ngày 24/5/2022. Theo Giấy vay tiền thì bên vay sẽ thanh toán tiền nợ gốc và lãi theo đúng quy định của pháp luật, bà H cũng thừa nhận sẽ thanh toán tiền vay và tiền lãi phát sinh cho bà H. Bà H trình bày lãi suất do các bên thỏa thuận là 3%/tháng nhưng không có căn cứ để chứng minh. Do đó, đây là trường hợp có thỏa thuận trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất nên áp dụng mức lãi suất là 10%/năm. Các bên thỏa thuận trả vào ngày 24/6/2022, do đó, quá thời hạn trên, thì áp dụng mức lãi suất quá hạn là 150% của mức lãi suất 10%/năm. Bà H yêu cầu mức lãi suất 20%/năm là vượt quá quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bà H đề nghị thay đổi mức lãi suất là phù hợp với quy định.

Mức lãi suất chấp nhận như sau:

Từ ngày 24/5/2022 đến ngày 24/6/2022: áp dụng mức lãi suất 10%/năm tương đương với số tiền: $250.000.000đ \times 10\%/năm \times 01 \text{ tháng} = 2.083.333đ$

Từ ngày 25/6/2022 đến ngày xét xử áp dụng mức lãi suất 15%/năm tương đương số tiền, $250.000.000đ \times 15\%/năm : 12 \text{ tháng} \times 15 \text{ tháng} = 46.875.000đ$

Như vậy, tổng số tiền lãi ông T và bà H phải trả cho bà H là 48.958.333 đồng.

[6] Từ những nhận định trên, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị H, buộc ông Trần T và bà Ngô Thị Thủy H có trách nhiệm liên đới trả

cho bà H số tiền 298.958.333 đồng, trong đó số tiền đã vay là 250.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 26/9/2023 là 48.958.333 đồng

[7] Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông Trần T và bà Ngô Thị Thủy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu

[9] Tại phiên tòa, ý kiến của đại diện VKSND quận Cẩm Lệ phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 119, 463, Điều 466, 468 và 469 BLDS;

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 180, 227, 228, 244, 271, 272, 273 của BLTTDS;

Căn cứ Điều 27, 37 và 60 Luật Hôn nhân và Gia đình

Căn cứ vào Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Trần T và bà Ngô Thị Thủy H.

Buộc ông Trần T và bà Ngô Thị Thủy H phải có nghĩa vụ liên đới trong việc thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền đã vay là 298.958.333 đồng, trong đó số tiền đã vay là 250.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 26/9/2023 là 48.958.333 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Trần T và bà Ngô Thị Thủy H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông Trần T và bà Ngô Thị Thủy H phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Trần T và bà Ngô Thị Thủy H phải liên đới chịu là: 14.947.916 đồng.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền 25.450.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000845 ngày 27/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng.

3. Dương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu TA, VP, HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Hưng